TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ NINH** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/2023/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 10 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình", giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ HKTT: Khu 3, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã H1, huyện H1, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992

Địa chỉ HKTT: Khu 3, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Diệu My, sinh ngày 28/02/2016; cháu Nguyễn Đăng Khoa, sinh ngày 09/11/2017.

Khi ly hôn, vợ chồng thống nhất thỏa thuận, anh T1 được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, hai con chung là cháu Nguyễn Diệu M và cháu Nguyễn Đăng K cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T1 vì anh T1 tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đều không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0001757 ngày 28/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Hoàn trả cho chị Bùi Thị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã P, huyện P, Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Cao Thị Đào